| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHIÊM HÓA**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Phạm Thị Thùy Trâm

*Các hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng

2. Ông Bùi Mạnh Hùng

***- Thư ký phiên toà***: Bà Bàn Thị Bích Duyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá*** *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 152/2019/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày ngày 29 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1989 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn TT, xã TS, huyện HY, tỉnh TQ.

*2. Bị đơn*: Anh **Ma Văn Đ**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn BM, xã MQ huyện CH, tỉnh TQ (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ma Văn Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhânh và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MQ, huyện CH, tỉnh TQ theo quy định của pháp luật vào ngày 12/01/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chị làm ăn sinh sống tại xã TS, huyện HY, tỉnh TQ được một thời gian thì chuyển đến TDP TT, TTTY, huyện HY, tỉnh TQ thuê nhà ở và làm ăn. Thời gian đầu vợ chồng sinh sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong làm ăn kinh tế, chị và anh Đ không thể bàn bạc thống nhất được trong việc làm kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2016 đến nay, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Bản thân anh Đ hiện đi làm xa nhà, thỉnh thoảng về thăm gia đình nhưng anh Đ cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nên chị không cung cấp được địa chỉ chính xác nơi tạm trú và làm việc của anh Đ. Hiện nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Ma Văn Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị sinh được 02 con chung tên là Ma NH, sinh ngày 06/01/2013 và Ma Nguyễn ĐH, sinh ngày 12/07/2017. Hiện nay hai cháu đang ở cùng chị. Chị có quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản, đất đai và  công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Ma Văn Đ đến để giải quyết việc chị H đề nghị ly hôn nhưng anh Đ đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh Đ vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn BM, xã MQ, huyện CH, tỉnh TQ. Theo lời khai của bà Ma Thị O (mẹ đẻ của anh Ma Văn Đ) thì anh Đ và chị H có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định. Sau ngày cưới chị H và anh Đ àm ăn, sinh sống ở huyện HY, tỉnh TQ. Cuộc sống vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 03 đến 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn nên anh  chuyển về ở cùng gia đình bà tại thôn BM, xã MQ, huyện CH, tỉnh TQ. còn chị H vẫn sống tại huyện HY. Gia đình hai bên đã khuyên bảo, hòa giải muân thuẫn vợ chồng anh Đ, chị H nhưng kết quả không thành. Đến tháng 02 năm 2019 thì anh Đ đi làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng có về thăm gia đình và liên lạc với bà nhưng không nói rõ địa chỉ. Gia đình bà có nhận được văn bản của Tòa án và đã thông báo cho anh Đ biết về việc chị H có đơn xin ly hôn, anh Đ nhất trí ly hôn nhưng anh Đ không về và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Nguyễn Thị H: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Ma Văn Đ.

- Giao cháu Ma NH, sinh ngày 06/01/2013 và cháu Ma Nguyễn ĐH, sinh ngày 12/07/2017 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ma Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai và công nợ chung chị Nguyễn Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về pháp luật tố tụng.*

Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Ma Văn Đ; Anh Ma Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn BM, xã MQ, huyện CH, tỉnh TQ. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Ma Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn BM, xã MQ, huyện CH, tỉnh TQ. Anh Đ thường xuyên đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh Đ đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình anh Đ đã thông báo cho anh Đ nhưng anh Đ vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Ma Văn Đ vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, TAND huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Ma Văn Đ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 12/01/2012 tại UBND xã MQ, huyện CH, tỉnh TQ nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2016 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, anh Đ về nhà bố mẹ đẻ tại xã MQ, huyện CH, tỉnh TQ sinh sống, còn chị H vẫn sinh sống tại huyện HY, tỉnh TQ, vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay không còn quan hệ tình cảm và kinh tế với nhau nữa. HĐXX thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị H, anh Đ thực tế đã không tồn tại từ năm 2016; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị H và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H là xử cho chị H được ly hôn với anh Ma Văn Đ.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Ma Văn Đ có 02 người con chung tên là Ma NH, sinh ngày 06/01/2013 và Ma Nguyễn ĐH, sinh ngày 12/07/2017. Xét thấy hiện anh Ma Văn Đ không có địa chỉ cư trú rõ ràng nên cần giao cháu Ma NH và cháu Ma Nguyễn ĐH cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

*[3] Về án phí và quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn); các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Nguyễn Thị H.

**1**. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Ma Văn Đ. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

**2**. Về con chung: Giao cháu Ma NH, sinh ngày 06/01/2013 và cháu Ma Nguyễn ĐH, sinh ngày 12/07/2017 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ma Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

**3**. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2018/0001830, ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa. Anh Ma Văn Đ không phải nộp án phí.

**4**. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Ma Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Hằng - Bùi Mạnh Hùng** **Phạm Thị Thùy Trâm**

***Nơi nhận***:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã MQ, huyện CH, tỉnh TQ ;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thùy Trâm**